

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Hồ Đồng Cù, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 30/2016/QH14, Luật 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Như Xuân về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Hồ Đồng Cù, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 139/KTHT-TĐ ngày 20/11/2023 (kèm theo Tờ trình số 368/TTr-BQLDA ngày 10/11/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện),

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Hồ Đồng Cù, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung sau:

**1. Tên công trình:** Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Hồ Đồng Cù, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

**3. Mục tiêu đầu tư:** Đảm bảo an toàn của hồ chứa, điều tiết nước, phòng chống thiên tai trong mùa mưa, lũ và cung cấp nước tưới cho khoảng 10ha đất nông nghiệp, tăng lượng dự trữ nước.

**4. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo KTKT:** Công ty TNHH xây dựng và phát triển hạ tầng Quang Minh.

**5. Nhà thầu thẩm tra:** Công ty TNHH tư vấn và xây lắp Thành Nam.

**6. Địa điểm xây dựng:** xã Cát Tân, huyện Như Xuân.

**7. Loại, nhóm, cấp công trình:**

- Nhóm dự án: Nhóm C;
- Loại công trình: Công trình nông nghiệp và PTNT;
- Cấp công trình: Công trình cấp IV.

**8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:**

- Số bước thiết kế: 1 bước.
- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: thống nhất theo báo cáo thẩm định số 139/KTHT-TĐ ngày 20/11/2023 của phòng Kinh tế và Hạ tầng.

**9. Nội dung, quy mô đầu tư:**

9.1 Các thông số kỹ thuật chủ yếu

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thông số
<b>A</b>	<b>Thông số cơ bản hồ chứa</b>		
1	Cấp công trình		Cấp IV
2	Tần suất tưới thiết kế $P_{tk}$	%	75
3	Tần suất lũ thiết kế $P_{tk}^{lũ}$	%	2
4	Tần suất lũ kiểm tra $P_{kt}^{lũ}$	%	1
5	Tuổi thọ công trình	năm	50
6	Diện tích lưu vực	km <sup>2</sup>	0,4
7	▽ Mức nước chết	m	+130,80
8	▽ MNDBT	m	+132,70
9	▽ MNLTK	m	+133,30
<b>B</b>	<b>Các hạng mục công trình</b>		
<b>I</b>	<b>Đập đất</b>		
1	Cao trình đỉnh đập đất	m	+134,20
2	Chiều rộng mặt đập (B)	m	5,00
3	Chiều dài đập đất (L)	m	138,0
4	Chiều cao đập đất lớn nhất (H)	m	4,7
5	Hệ số mái thượng lưu mTL		2,5
6	Hệ số mái hạ lưu mHL		2,0
6	Thiết bị thoát nước hạ lưu		Lăng trụ thoát nước, áp mái
7	Bảo vệ mái hạ lưu		Lục lăng BT; Trồng cỏ

<b>II</b>	<b>Tràn xả lũ</b>		
1	Vị trí tràn		Tại vai phía tả đập
2	Hình thức tràn		Mặt cắt thực dụng
3	Cao trình ngưỡng tràn	m	+132,7
4	Cột nước tràn (P=2 %)	m	0,6
5	Chiều rộng đập tràn $B_{tr}$	m	9,0
6	Chiều dày ngưỡng tràn $\delta$	m	1,1
<b>III</b>	<b>Cống lấy dưới đập</b>		
1	Vị trí		Vị trí phía hữu đập chính
2	Hình thức		Cống ngầm trong thân đập chảy có áp
3	Diện tích tưới	ha	10
4	Lưu lượng thiết kế $Q_{tk}$	m <sup>3</sup> /s	0,016
5	Cao trình ngưỡng cửa vào	m	+130,26
6	Chiều dài cống nổi dài ( $L_{cnd}$ )	m	9,55
7	Kích thước cống	mm	$\phi 300$
8	Kết cấu cống		Ống nhựa HDPE bọc bê tông cốt thép
<b>IV</b>	<b>Kè mái vai hữu đập</b>		
1	Vị trí		Vị trí phía hữu đập
2	Chiều dài tuyến kè	m	123,9
3	Cao trình đỉnh kè	m	+134,20
4	Cao trình chân kè	m	+129,50
5	Hệ số mái		1,5
6	Hình thức		Tấm lát cấu kiện BT, khung dầm BTCT
7	Kích thước 1 cấu kiện	m	(40x40)x12
8	Kết cấu		Cấu kiện BTT M250 móc thép, đặt trong khung dầm BTCT M250

## 9.2. Giải pháp thiết kế

### a. Đập đất

Đắp đập đất đầm nén đến cao trình (+134.20), để phù hợp với điều kiện giao thông phía vai tả tràn đắp đất đầm nén đến cao trình (+134.20), chiều dài đỉnh đập  $L = 138m$  (kể cả phần tràn).

- Gia cố mái thượng, hạ lưu đập: hệ số mái thượng lưu  $m_{tl} = 2,50$ , mái hạ lưu  $m_{hl} = 2,00$ ; gia cố bảo vệ mái thượng lưu bằng tấm ngầm BTCT M250 kích thước (40\*40\*12cm) phía dưới bố trí tầng lọc ngược lớp dầm lọc 1x2cm dày 10cm và vải

lọc để tăng tuổi thọ của đập, mái đập thượng lưu không bị sạt trượt; mái hạ lưu đập được trồng cỏ trên toàn bộ bề mặt mái đập hạ lưu.

- Mặt đập: Mặt đập rộng  $B = 5\text{m}$ . Mặt đỉnh đập được đổ lớp BTT M250 dày 20cm rộng 5,0m; phía dưới bố trí lớp cấp phối đá dăm loại II dày 15cm;

- Mái hạ lưu được lát các tấm cầu kiện lục lăng trồng cỏ để bảo vệ mái

- Thiết bị thoát nước: Lãng trụ thoát nước đồng thời áp mái hạ lưu. Đỉnh đồng đá thoát nước hạ lưu (+131,70) đỉnh dầm khóa thiết bị áp mái (+132,70).

b. Tràn xả lũ:

- Làm mới tràn xả lũ.

- Vị trí: Tại vị trí vai tả đập. Cao trình đỉnh tràn (+132,70)

- Kết cấu: Đập tràn trọng lực mặt cắt thực dụng kết cấu lõi tràn bằng bê tông thường M150, phía dưới lót nilon tái sinh. Toàn bộ phần ngưỡng tràn bọc 1 lớp bê tông cốt thép M250 dày 25cm. Tường cửa vào, cửa ra bằng BTT M250, hai tường bên bằng BTCT M250

c. Công lấy nước nổi dài dưới đập

- Vị trí: Tại bờ phía hữu đập

- Nhiệm vụ: Cấp nước tưới tự chảy đảm bảo tưới được cho 10ha lúa.

- Hình thức công: Công ngầm trong thân đập, chảy có áp.

- Kết cấu: Đường ống công nổi dài bằng ống nhựa HDPE bọc bê tông cốt thép, các bộ phận khác bằng bê tông thường và bê tông cốt thép.

c. Đường quản lý vận hành

- Chiều dài: 269,88 m; Chiều rộng mặt đường: Đoạn từ K0+152,62 đến K0+204,00:  $B_{\text{mặt đường}} = 4,5\text{m}$ ; Đoạn từ K0+204,00 đến K0+422,50:  $B_{\text{mặt đường}} = 4,0\text{m}$ ;

- Độ dốc ngang mặt đường:  $i_m = 2\%$ ; độ dốc ngang lề đường:  $i_m = 4\%$ .

- Kết cấu mặt đường làm mới: Mặt đường BTT M250 dày 20cm; Nilong tái sinh lót; Móng đường lớp dưới CPĐD loại II dày 15cm; Nền đường cũ hoặc đắp đất  $K \geq 0,95$ ;

- Nền đường: Nền đường cũ được bóc phong hóa, san gạt tạo phẳng, cao độ nền đường còn thiếu được đắp bằng đất độ chặt  $K \geq 0,95$  cho đến cao trình đắp yêu cầu. Bóc phong hóa đường cũ dày 20cm, vét bùn 50cm tại vị trí nền đắp và đánh cấp nền đường tại các vị trí có độ dốc ngang  $> 20\%$ .

e. Kè mái vai hữu đập

- Vị trí: Điểm đầu tuyến kè thiết kế tại cọc K0+61.00m đi theo tuyến đường hiện có về phía đập kết thúc tại cọc K0+184.90m. Đầu tuyến đường hoàn trả K0+86.00, cuối tuyến đường tại K0+184.90

- Chiều dài tuyến kè thiết kế:  $L = 123,9\text{m}$ . Chiều dài tuyến đường hoàn trả  $L = 98,9\text{m}$

+ Chân kè: bằng dầm BTCT M250 đá 1x2 kích thước bxxh 0,3x0,5m; cứ 11,8m để 1 khe lún giấy dầu tấm nhựa đường.

+ Thân kè: Mái kè được bóc phong hóa dày trung bình 20cm, sau đó đào tạo mái kè với  $m=1.5$ , tại vị trí thân kè cần đắp được xếp đá hộc để đảm bảo ổn định mái kè; Cuối đoạn kè xếp rọ đá chống sạt lở

Từ cao trình (+129.5 ~ +134.20)m, mái kè được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn (BTĐS) M250, kích thước (40x40x12)cm; dưới lớp cấu kiện BTĐS là lớp đá dăm (1x2)cm dày 10cm, dưới lớp đá dăm là lớp vải địa kỹ thuật ART15 hoặc tương đương. Dầm dọc khóa chân kè, đỉnh kè bằng BTCT M250 đổ tại chỗ, kích thước (30x50)cm.

+ Đỉnh kè: bằng dầm BTCT M250 đá 1x2 kích thước bxxh 0,3x0,5m; cứ 11,8m để 1 khe lún giấy dầu tấm nhựa đường.

+ Đường hoàn trả

- Mặt đường BTT M250 dày 20cm;

- Nilong tái sinh lót;

- Móng đường lớp dưới CPĐD loại II dày 15cm;

- Nền đường cũ hoặc đắp đất  $K \geq 0.95$ ;

f. Dọn dẹp, thanh thải lòng hồ:

Nạo vét, dọn dẹp, cải tạo, thanh thải lòng hồ đến cao trình (+129,00) để tăng dung tích trữ nước

### **10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí:**

**Tổng mức đầu tư: 10.000.000.000 đồng**

*(Bằng chữ: Mười tỷ đồng)*

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	500.000.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	7.981.605.000	đồng
- Chi phí QLDA:	236.763.000	đồng
- Chi phí tư vấn:	816.884.000	đồng
- Chi phí khác:	59.980.000	đồng
- Chi dự phòng:	404.768.000	đồng

**11. Nguồn vốn:** Ngân sách tỉnh năm 2023 (theo Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Như Xuân).

**12. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

**13. Thời gian thực hiện:** Năm 2023.

**Điều 2.** Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng, đồng thời trong quá trình thực hiện các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến tại Báo cáo thẩm định số 139/TĐ-KTHT ngày 20/11/2023 của phòng Kinh tế và Hạ tầng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Như Xuân, Chi cục thuế khu vực Như Thanh – Như Xuân, Chủ tịch UBND xã Cát Tân, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực: HU, HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chủ đầu tư (05 bản);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tuất**

**PHỤ BIỂU**  
**TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH**  
**Công trình: Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Hồ Đồng Cù, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND huyện)*

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
<b>I</b>	<b>Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB</b>			<b>Tạm tính</b>	<b>500.000.000</b>		<b>500.000.000</b>	<b>Ggpm</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>				<b>7.256.004.461</b>	<b>725.600.446</b>	<b>7.981.605.000</b>	<b>Gxd</b>
1	Đập đất		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	2.548.343.990	254.834.399	2.803.178.000	
2	Trần xả lũ		1		1.754.286.338	175.428.634	1.929.715.000	
3	Cống lấy nước		1		77.550.473	7.755.047	85.306.000	
4	Nạo vét lòng hồ và kè mái phía hữu thượng lưu đập		1		2.433.297.821	243.329.782	2.676.628.000	
5	Đường thi công kết hợp quản lý vận hành		1		442.525.839	44.252.584	486.778.000	
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>3,263%</b>		<b>Gxd trước thuế x tỷ lệ</b>	<b>236.763.426</b>		<b>236.763.000</b>	<b>Gqla</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>				<b>743.281.102</b>	<b>73.602.510</b>	<b>816.884.000</b>	<b>Gtv</b>
1	Chi phí khảo sát địa hình			QĐ 167/QĐ-BQLDA ngày 03/3/2023	193.359.000	19.335.900	212.695.000	
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	5.800.770	580.077	6.381.000	
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	3,885%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	281.895.773	28.189.577	310.085.000	
4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,372%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	32.390.804	3.239.080	35.630.000	
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,361%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	26.194.176	2.619.418	28.814.000	
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,598%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	188.510.996	18.851.100	207.362.000	
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	7.873.578	787.358	8.661.000	
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	3.628.002		3.628.000	
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn	0,05%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	3.628.002		3.628.000	

	nhà thầu							
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>59.979.944</b>		<b>59.980.000</b>	<b>Gk</b>
1	Phí thẩm định	0,019%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	950.000		950.000	
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,39%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	39.029.944		39.030.000	
3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	20.000.000		20.000.000	
<b>VI</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>						<b>404.768.000</b>	<b>Gdp</b>
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	4,22%		(Ggpmb+Gxd+Gqlda+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			404.768.000	
	<b>Tổng cộng</b>						<b>10.000.000.000</b>	<b>Gxdct</b>